

Bản án số: 24/2026/DS-ST
Ngày 11-3-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Thắng;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Quế Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai G - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐST-DS ngày 09 ngày 02 tháng 2026, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 18/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố E H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ C, khu phố E H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Đ trình bày như sau:

Qua mối quan hệ quen biết, ông Nguyễn Đăng Đ có cho ông Bùi Văn C mượn số tiền 110.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 20/6/2024 với số tiền 80.000.000 đồng và Giấy vay tiền ngày 21/6/2024 với số tiền là 30.000.000 đồng. Mẫu giấy vay tiền do ông Đại tự đánh máy, chữ viết bút mực trong giấy

vay tiền là do ông **Đ** viết. Chữ ký, chữ viết **Bùi Văn C** và dòng chữ “tôi đã nhận đủ tiền” tại mục bên vay là của ông **Bùi Văn C**. Theo nội dung của 02 giấy vay tiền thì ông **Đ** cho ông **C** vay tổng số tiền 110.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng, mặc dù giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai thoả thuận miệng là lãi suất 2%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay ông **C** chưa trả cho ông **Đ** bất kỳ khoản tiền gốc nào, ông **C** có trả được cho ông **Đ** 02 tháng tiền lãi là hơn 4.000.000 đồng. Khi đến hạn thanh toán, ông **Đ** nhiều lần yêu cầu ông **C** trả số tiền vay cho ông **Đ** nhưng ông **C** không trả tiền, cố tình né tránh. Ông **C** có vợ con, nhưng ông **Đ** không biết họ tên vợ con ông **C**. Số tiền ông **C** vay của ông **Đ** là do cá nhân ông **C** tự vay, ông **Đ** không biết vợ ông **C** có biết việc này hay không, nên ông **Đ** không yêu cầu vợ ông **C** thanh toán số tiền vay này mà chỉ yêu cầu ông **C** có trách nhiệm thanh toán tiền nợ cho ông **Đ**. Đối với số tiền ông **Đ** cho ông **C** vay là số tiền của cá nhân ông **Đ**, không liên quan gì đến vợ con của ông **Đ** nên đề nghị Tòa án không đưa vợ con ông vào tham gia tố tụng.

Nay ông **Nguyễn Đăng Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Bùi Văn C** có trách nhiệm trả cho ông **Nguyễn Đăng Đại S** tiền 110.000.000 đồng, ông **Đ** không yêu cầu thanh toán lãi suất.

Tại kết quả xác minh theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin của **Công an phường C**, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn ông **Bùi Văn C** có đăng ký thường trú tại **tổ C, khu phố E H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh** nhưng hiện tại ông **C** không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên, hiện không rõ ông **C** đang làm gì, ở đâu? Quá trình tố tụng, ông **C** đã được Tòa án niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Tuy nhiên, bị đơn ông **C** không chấp hành theo thông báo, vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án cũng như không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Giấy vay mượn tiền ngày 20/6/2024 và ngày 21/6/2024 giữa ông **Nguyễn Đăng Đ** và ông **Bùi Văn C** với tổng số tiền vay 110.000.000 đồng được lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung trong giấy vay mượn tiền là sự thật và hợp pháp. Đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn, tuy nhiên đến hạn ông **C** không thanh toán được số tiền trên cho ông **Đ**. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay là có cơ sở theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu, nên không xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Đăng Đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông **Nguyễn Đăng Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông **Bùi Văn C** thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Bùi Văn C** có đăng ký thường trú tại **tổ C, khu phố E H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh** nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông **Nguyễn Đăng Đ** xác định số tiền ông **Đ** cho ông **Bùi Văn C** vay mượn là tiền riêng của ông **Đ**, không liên quan gì đến vợ là bà **Lê Thị Thủy T**, điều này cũng được bà **T** xác nhận tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10/3/2026. Việc ông **C** mượn tiền của ông **Đ** cũng không có sự tham gia của vợ ông **C**, ông **Đ** chỉ cho ông **C** mượn, yêu cầu ông **C** thanh toán khoản vay mà không có yêu cầu gì đối với vợ ông **C**. Do đó, Tòa án không đưa vợ ông **C** và vợ ông **Đ** là bà **Lê Thị Thủy T** vào tham gia tố tụng.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông **Bùi Văn C** đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian mở phiên họp và phiên tòa dân sự sơ thẩm nhưng ông **C** vắng mặt, việc vắng mặt của ông không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Giấy vay mượn tiền ngày 20/6/2024 và ngày 21/6/2024 có nội dung ông **Bùi Văn C** vay của ông **Nguyễn Đăng Đại S** tiền 80.000.000 đồng và số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày ký, không thỏa thuận lãi suất, ngay sau khi ký giấy vay tiền thì ông **Đ** giao toàn bộ số tiền vay cho ông **C**; tại mục bên vay của các giấy vay tiền, ông **C** ký, ghi rõ họ tên, giấy vay mượn tiền ngày 20/6/2024 còn có dấu lăn tay của ông **C**. Xét việc ký kết các giấy vay mượn tiền nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi

dân sự khi tham gia giao dịch, hợp đồng vay tài sản đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm ký kết và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên.

[2.2] Bị đơn ông **C** đã nhận đủ số tiền vay và ký xác nhận vào mục bên vay dòng chữ “tôi đã nhận đủ tiền”. Tuy nhiên, khi đến thời hạn thanh toán khoản vay, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào và không hợp tác, bỏ đi khỏi địa phương, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông **C** không đến Tòa án để tham gia tố tụng được xem như tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Xét hợp đồng vay tài sản giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận trong hợp đồng là hợp pháp, nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn, đã đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn ông **D** yêu cầu bị đơn ông **C** thanh toán số tiền 110.000.000 đồng cho ông **D** là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Quá trình tố tụng, ông **D** xác định chỉ yêu cầu ông **C** thanh toán số tiền gốc đã vay, không yêu cầu thanh toán tiền lãi, không yêu cầu về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông **Nguyễn Đăng Đ** không phải chịu án phí.

Bị đơn ông **Bùi Văn C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông **Nguyễn Đăng Đại tự N** chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Đăng Đ** với bị đơn ông **Bùi Văn C** về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông **Bùi Văn C** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Nguyễn Đăng Đại S** tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông **Nguyễn Đăng Đ** không phải chịu. Hoàn trả cho ông **Nguyễn Đăng Đại S** tiền 2.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006228 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Bị đơn ông **Bùi Văn C** phải chịu số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn ông **Nguyễn Đăng Đ** đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được xác định theo thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Cảnh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tình

Nguyễn Đình Quân

Phạm Thị Cảnh